



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

(Kèm theo quyết định số/attached with decision no: / QĐ - VPCNCL ngày tháng 05 năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/ of BoA Director)

Tên tổ chức giám định: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM -
CHI NHÁNH TÂY NAM BỘ

Name of Inspection Body: VIETNAM ENERGY INSPECTION CORPORATION –
SOUTHWEST BRANCH

Mã số công nhận
Accreditation Code: VIAS 099

Chuẩn mực công nhận
Accreditation standard: ISO/IEC 17020:2012

Địa chỉ trụ sở chính:
Head office address: 32 Đào Duy Anh, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
No.32 Dao Duy Anh Street, Ward 09, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City

Địa điểm công nhận :
Accredited locations: Số 60, Đường Lê Nhựt Tảo, KDC 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái
Răng, Thành phố Cần Thơ
No.60 Le Nhut Tao Street, 586 residential Quarter, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Cantho City

Điện thoại/ Tel: 0938 819 538

Email: hungvt@eic.com.vn Website: <https://eic.com.vn/>

Loại tổ chức giám định : Loại A

Type of Inspection: Type A

Người đại diện : Võ Thanh Hùng

Authorized Person: Võ Thanh Hùng

Hiệu lực công nhận /
Period of Validation: Kể từ ngày / 05 / 2025 đến ngày 27 / 03 / 2027.



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và/hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Khí, dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ: Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), sản phẩm dầu mỏ, nhiên liệu sinh học, dung môi Gas, petroleum and petroleum products: <i>Liquefied Petroleum Gas (LPG), petroleum products, biofuels, solvent</i>	- Lấy mẫu - Số lượng - Khối lượng bằng phương pháp thể tích - Chất lượng (đặc tính hóa, lý) - <i>Sampling</i> - <i>Quantity</i> - <i>Weight by volume method</i> - <i>Quality (chemical, physical characteristics)</i>	QTKD : EIC F 005 QTKD : EIC F 007 QTKD : EIC F 009 QTKD : EIC F 010 QTKD : EIC F 012 QTKD : EIC F 013 QTKD : EIC F 014 QTKD : EIC F 015 QTKD : EIC F 016 QTKD : EIC F 027 QTKD : EIC F 035 QTKD : EIC F 036	Phòng Nghiệp vụ <i>Technical Division</i>
Khí, dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ: Khí đồng hành Gas, petroleum and petroleum products: <i>associated gas</i>	- Lấy mẫu - Chất lượng (tính chất hóa, lý) - <i>Sampling</i> - <i>Quality (chemical, physical characteristics)</i>	QTKD : EIC F 037	Phòng Nghiệp vụ <i>Technical Division</i>
Khoáng sản: Than đá Mineral: Coal	- Số lượng, khối lượng qua cân, qua nón, và bằng phương pháp đo thể tích; - Sạch sẽ hầm hàng, kín chắc hầm hàng, niêm phong và kiểm tra niêm phong hầm hàng; - Lấy mẫu; - Chất lượng (tính chất hóa, lý). - <i>Quantity, weight by scale and draft survey;</i> - <i>Hold cleanliness, sealing and sealing checking;</i> - <i>Sampling</i> - <i>Quality (Chemical, Physical characteristics)</i>	QTKD : EIC C 001 QTKD : EIC C 002 QTKD : EIC C 004 QTKD : EIC C 011 QTKD : EIC C 012 QTKD : EIC C 013 QTKD : EIC C 016 QTKD : EIC C 020 QTKD : EIC C 021 QTKD : EIC C 022 QTKD : EIC C 023 QTKD : EIC C 024	Phòng Nghiệp vụ <i>Technical Division</i>



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và/hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Định lượng <i>Quantity</i>	- Kiểm kê khối lượng hàng đồng rời tồn kho theo phương pháp đo thể tích hình học - <i>Stock Pile</i>	QTKD : EIC F 006 QTKD : EIC F 025	Phòng Nghiệp vụ <i>Technical Division</i>
	- Giám định khối lượng theo phương pháp mớn nước - <i>Weight by draft survey</i>	QTKD : EIC C 001 QTKD : EIC C 002 QTKD : EIC C 004 QTKD : EIC C 011 QTKD : EIC C 012 QTKD : EIC C 013 QTKD : EIC C 016 QTKD : EIC C 020 QTKD : EIC C 021 QTKD : EIC C 022	Phòng Nghiệp vụ <i>Technical Division</i>
Giám sát xếp / dỡ hàng hoá <i>Supervision of loading / discharge</i>	- Niêm phong và kiểm tra niêm phong hầm hàng - <i>Sealing and sealing checking</i>	QTKD : EIC C 023 QTKD : EIC C 024	Phòng Nghiệp vụ <i>Technical Division</i>
Vật liệu xây dựng: Clanhke Construction materials: Clinker	Lấy mẫu <i>Sampling</i>	QTKD : EIC C 027	Phòng Nghiệp vụ <i>Technical Division</i>

Ghi chú/ Note:

- QTKD:EIC C, QTKD:EIC F : Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / IB's developed methods
- Trường hợp Công ty cổ phần giám định năng lượng Việt Nam – chi nhánh Tây Nam Bộ cung cấp dịch vụ giám định thì Công ty cổ phần giám định năng lượng Việt Nam – chi nhánh Tây Nam Bộ phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Vietnam Energy Inspection Corporation – Southwest Branch that provides the inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp / qui trình giám định, lần và / hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Quy trình giám định số/ khối lượng hóa chất dạng lỏng	EIC F 005 2024 - Ver 07
Quy trình thực hiện kiểm kê khối lượng kho chứa than đồng rời (stockpile)	EIC F 006 - 2024-Ver 05
Quy trình giám định nhựa đường lỏng	EIC F 007 - 2024-Ver 08
Quy trình giám định khí dầu mỏ hóa lỏng	EIC F 009 - 2024-Ver 10
Quy trình giám định số khối lượng xăng dầu từ tàu giao sang tàu nhận	EIC F 010 - 2023-Ver 06
Quy trình giám định số/khối lượng hàng lỏng từ tàu giao lên bờn và từ bờn giao xuống tàu	EIC F 012 - 2024-Ver 07
Quy trình xác định OBQ/ROB	EIC F 013 - 2023-Ver 6
Quy trình giám định số khối lượng nhiên liệu	EIC F 014 - 2024-Ver 08
Quy trình giám định hàng xuất	EIC F 015 - 2023-Ver 6
Quy trình lấy mẫu dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ	EIC F 016 - 2024-Ver 11
Quy trình xác định khối lượng hàng đồng kho rời (stock pile)	EIC F 025 - 2021-Ver 03
Phụ lục về giám định dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ	EIC F 027 - 2024-Ver 05
Quy trình giám định dầu mỏ hóa lỏng (LPG) phù hợp QCVN 08:2019/BKHCN	EIC F 035 - 2024 – Ver 02
Quy trình giám định xăng, nhiên liệu diesel, nhiên liệu sinh học phù hợp QCVN 01:2022/BKHCN	EIC F 036 - 2024 – Ver 03
Quy trình lấy mẫu khí thiên nhiên hóa lỏng	EIC F 037 -2021 – Ver 01
Quy trình giám định Quy cách phẩm chất.	EIC C 001 - 2023-Ver 7
Quy trình giám định món nước	EIC C 002 - 2025-Ver 11
Quy trình giám định than đá xuất khẩu	EIC C 004 - 2024-Ver 09
Quy trình giám định khối lượng bằng cân cầu	EIC C 011 - 2025-Ver 05
Quy trình giám định kiểm tra kín chắc hầm hàng	EIC C 012 - 2023-Ver 3
Quy trình lấy mẫu than đá và cốc	EIC C 013 - 2024-Ver 06
Quy trình giám định vệ sinh hầm tàu	EIC C 016 - 2024-Ver 05
Quy trình giám định than cám	EIC C 020 - 2022-Ver 2
Quy trình giám định phân bón dạng rời	EIC C 021 - 2019-Ver 1
Quy trình giám định món nước sà lan (barge draft survey)	EIC C 022 - 2024-Ver 05
Quy trình niêm phong hầm hàng trên tàu/ sà lan	EIC C 023 - 2019-Ver 01
Quy trình kiểm tra niêm phong hầm hàng trên tàu/ sà lan	EIC C 024 - 2019-Ver 01
Quy trình lấy mẫu Clinker – Xi măng	EIC C 027 - 2023-Ver 05


PKM